

Số: 51 /KL-TTr

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2023

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc chấp hành các quy định của pháp luật lao động, an toàn, vệ sinh lao động tại Công ty Cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương

Thực hiện Quyết định số 54/QĐ-TTr ngày 16 tháng 02 năm 2023 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động, an toàn, vệ sinh lao động tại doanh nghiệp, ngày 03/3/2023, Đoàn thanh tra của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tiến hành thanh tra tại Công ty Cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương; thời kỳ thanh tra từ ngày 01/01/2022 đến thời điểm thanh tra.

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 27/3/2023 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

I. Những vấn đề chung

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương (sau đây gọi là doanh nghiệp).
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty cổ phần.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700408992 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 25/02/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 21/10/2022.
- Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu: xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, kinh doanh bất động sản.
- Điện thoại giao dịch: 0274 2220888 Fax: 0274 220886.
- Trụ sở chính của doanh nghiệp: Lô G đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
- Tài khoản giao dịch số 6501 000 0005313 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương.
- Đã thành lập tổ chức công đoàn cơ sở.
- Tổng số người đang làm việc tại doanh nghiệp: 95 người.

II. Kết quả kiểm tra, xác minh

1. Các loại báo cáo định kỳ

- Đã báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm và hằng năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.
- Đã báo cáo định kỳ hằng năm về công tác an toàn, vệ sinh lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương. Tuy nhiên, doanh nghiệp chưa mở sổ thống kê các nội dung cần phải báo cáo về công tác an toàn, vệ sinh lao động.



2. Tuyển dụng và đào tạo lao động

- Doanh nghiệp đã xây dựng quy định về tuyển dụng lao động có hiệu lực từ ngày 19/5/2022. Khi có kế hoạch tuyển dụng, doanh nghiệp đăng thông báo tuyển dụng công khai trên phương tiện thông tin đại chúng. Doanh nghiệp tuyển dụng bằng hình thức phỏng vấn trực tiếp. Trong thời kỳ thanh tra doanh nghiệp không tuyển mới lao động.

- Việc thu phí tuyển dụng người lao động: không phát sinh.

- Doanh nghiệp không xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động.

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không phát sinh việc ký kết hợp đồng đào tạo nghề cho người lao động.

- Doanh nghiệp cập nhật thông tin theo dõi, quản lý người lao động bằng phần mềm quản lý nhân sự.

3. Giao kết và thực hiện hợp đồng lao động (số liệu tính tại thời điểm thanh tra)

- Số người không thuộc đối tượng phải giao kết hợp đồng lao động: 01 người

- Số người thuộc đối tượng phải giao kết hợp đồng lao động: 94 người.

- Số người đã giao kết hợp đồng lao động: 94 người, trong đó:

+ Hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 89 người;

+ Hợp đồng lao động xác định thời hạn (từ 03 tháng đến 36 tháng): 05 người;

- Số người lao động thuê lại: 0 người.

- Số người chưa được giao kết hợp đồng lao động: 0 người.

- Hợp đồng lao động giao kết với người lao động ghi chưa ghi cụ thể: mục công việc phải làm ghi “theo sự phân công của công ty”, mục chế độ nghỉ ngơi ghi “theo quy định của Luật lao động hiện hành”, mục trang bị bảo hộ lao động ghi “theo quy định công ty”.

- Số lao động bị mất việc làm từ 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm thanh tra: 0 người.

- Việc thông báo trước cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cho người lao động trước khi cho nhiều người lao động thôi việc: không phát sinh.

- Số lao động thôi việc từ 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm thanh tra: 48 người, trong đó: đã trả trợ cấp thôi việc cho 11/11 người đủ điều kiện hưởng với tổng số tiền 103.150.000 đồng.

4. Đối thoại tại doanh nghiệp và thỏa ước lao động tập thể (TULĐTT)

- Đã ban hành quyết định số 07/QĐ/2022-TGD ngày 20/01/2022 của Tổng Giám đốc về tổ chức đối thoại tại nơi làm việc, thực hiện đối thoại 01 lần/năm lồng ghép với hội nghị người lao động.

- Đã ký kết thỏa ước lao động tập thể ngày 12/11/2020 với thời hạn 03 năm. Hồ sơ thỏa ước lao động tập thể của doanh nghiệp không có thông báo

bằng văn bản về những nội dung dự kiến tiến hành thương lượng tập thể của đại diện tập thể người lao động hoặc của người sử dụng lao động, không có biên bản cuộc họp thương lượng theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Lao động.

- Đã thực hiện theo nội dung TULĐTT đã ký kết.

- Đã gửi TULĐTT đã ký kết đến cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

- Đã xây dựng quy chế dân chủ cơ sở tại doanh nghiệp theo quyết định số 06/QĐ/2022-TGD ngày 20/01/2022 của Tổng Giám đốc. Tuy nhiên, quy chế dân chủ chưa quy định cụ thể các nội dung chủ yếu để tổ chức đối thoại tại nơi làm việc theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP.

5. Tiền lương và trả công lao động

- Mức lương tối thiểu doanh nghiệp đang áp dụng: 5.010.000 đồng/ tháng.

- Thu nhập thấp nhất: 5.474.000 đồng/người/tháng; thu nhập cao nhất: 50.730.000 đồng/người/tháng; thu nhập bình quân: 13.000.000 đồng/người/tháng.

- Phương pháp trả lương: trả lương bằng tiền mặt và trả lương qua tài khoản. Doanh nghiệp chi trả phí mở tài khoản và phí chuyển tiền lương.

- Doanh nghiệp áp dụng hình thức trả lương theo thời gian (theo tháng).

- Doanh nghiệp đã xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động.

- Đã trả đủ tiền lương làm thêm giờ, làm việc vào ngày nghỉ có hưởng lương, ngày nghỉ lễ cho người lao động.

- Đã trả đủ tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ vào ban đêm cho người lao động.

- Việc trả lương những ngày chưa nghỉ hằng năm hoặc ngày chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hằng năm cho người lao động do thôi việc: không phát sinh.

- Tiền lương ngừng việc và cách giải quyết tiền lương trong các trường hợp thiếu việc làm: không phát sinh.

- Tình hình khấu trừ tiền lương của người lao động: không phát sinh;

- Việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương: không phát sinh.

- Doanh nghiệp hỗ trợ tiền ăn trưa cho người lao động với mức 730.000 đồng/người/tháng.

6. Thời giờ làm việc và nghỉ ngơi

- Thời giờ làm việc hằng ngày, hằng tuần: 8 giờ/ ngày, 40 ngày/ tuần.

- Việc thực hiện các quy định về thời giờ nghỉ ngơi: ngày nghỉ hằng tuần 2 ngày (thứ 7, chủ nhật); nghỉ trong giờ làm việc: 1 giờ.

- Số giờ làm thêm tối đa là 03 giờ/ngày; 26 giờ/tháng; 114 giờ/năm.

- Doanh nghiệp thực hiện ngày nghỉ lễ, tết, nghỉ việc riêng có hưởng lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương theo quy định của Bộ luật Lao động.

- Số ngày nghỉ hằng năm đối với lao động làm công việc bình thường là 12 ngày/năm chưa tính thâm niên.

- Việc quy định các đợt nghỉ ngắn trong ca làm việc (nếu có): không phát sinh.

7. Kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất

- Người có thẩm quyền xử lý kỷ luật lao động là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp và người được người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ủy quyền ký hợp đồng lao động.

- Doanh nghiệp đã xây dựng và đăng ký nội quy lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động. Nội quy lao động chưa quy định trình tự, thủ tục xử lý hành vi quấy rối tình dục tại nơi làm việc; chưa quy định danh mục tài sản, tài liệu, bí mật công nghệ, bí mật kinh doanh, sở hữu trí tuệ.

- Trong thời kỳ thanh tra doanh nghiệp không xử lý kỷ luật lao động.

- Việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương: không phát sinh.

- Những trường hợp người lao động phải bồi thường trách nhiệm vật chất: không phát sinh.

8. Lao động đặc thù

8.1. Các quy định riêng đối với lao động nữ

- Số lao động nữ: 16 người.

- Đã thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ:

+ Thực hiện quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi đối với lao động nữ có thai từ tháng thứ 7 trở lên làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; lao động nữ nuôi con dưới 12 tháng tuổi; lao động nữ trong thời gian hành kinh.

+ Không có trường hợp sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với lao động nữ trong doanh nghiệp.

+ Đã bố trí chỗ thay quần áo, buồng tắm và buồng vệ sinh cho lao động nữ.

+ Đã thực hiện các chế độ cho lao động nữ mang thai, nghỉ thai sản và đảm bảo việc làm cho lao động nữ sau khi nghỉ thai sản.

- Doanh nghiệp chưa thực hiện giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động.

8.2. Các quy định riêng đối với lao động chưa thành niên

Doanh nghiệp không sử dụng lao động chưa thành niên.

8.3. Đối với lao động là người nước ngoài

Doanh nghiệp không sử dụng lao động là người nước ngoài.

8.4. Đối với lao động là người khuyết tật, người lao động cao tuổi

- Tổng số lao động là người khuyết tật: 0 người.

- Tổng số người lao động cao tuổi: 02 người, trong đó có 01 người vẫn tham gia bảo hiểm xã hội, 01 người đã hưởng chế độ hưu trí.

- Việc thực hiện chế độ giảm giờ làm việc đối với lao động cao tuổi: người lao động không yêu cầu giảm giờ làm.

- Đã khám sức khỏe định kỳ 6 tháng/lần cho lao động là người cao tuổi.

9. Khiếu nại, tranh chấp lao động

Trong thời kỳ thanh tra, tại doanh nghiệp không xảy ra tranh chấp, khiếu nại về lao động, không xảy ra đình công.

10. An toàn lao động, vệ sinh lao động

- Số lao động làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: không phát sinh.

- Số lao động làm các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động: 06 người (giám sát thi công).

- Đã xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hằng năm. Tuy nhiên, nội dung kế hoạch không đầy đủ, cụ thể: thiếu nội dung biện pháp về kỹ thuật vệ sinh lao động, phòng, chống yếu tố có hại và cải thiện điều kiện lao động.

- Doanh nghiệp không thành lập hội đồng an toàn, vệ sinh lao động do không thuộc trường hợp phải thành lập.

- Chưa thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên.

- Số lượng người làm công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động: 06 người làm bán chuyên trách.

- Số người làm công tác y tế: doanh nghiệp bố trí 01 người làm công tác y tế theo quy định.

- Doanh nghiệp sử dụng 03 máy, thiết bị (01 thang máy, 01 cầu trục, 01 cần trục bánh lốp) có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đã được kiểm định kỹ thuật an toàn lao động và còn thời hạn kiểm định.

- Đã xây dựng nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với máy, thiết bị và tại nơi làm việc.

- Đã tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho toàn bộ người lao động tại doanh nghiệp.

- Việc trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động: doanh nghiệp đã cấp phát cho người lao động theo quy định.

- Việc bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại: không phát sinh.

- Tổng số vụ tai nạn lao động từ ngày 01/01/2022 đến thời điểm thanh tra: 0 vụ.

- Đã quan trắc môi trường lao động hằng năm.

- Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động.

- Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho 95 người lao động năm 2022, khám sức khỏe 6 tháng/lần đối với lao động cao tuổi;

- Đã tổ chức khám phát hiện bệnh nghề nghiệp cho người lao động làm việc trong môi trường tiếp xúc với các yếu tố có nguy cơ gây bệnh nghề nghiệp.

- Chưa lập hồ sơ theo dõi sức khỏe của người lao động.

11. Bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (BHTNLĐ-BNN)

- Số người thuộc đối tượng phải tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN: 94 người.

- Số người đã tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN : 94 người.

- Số người không thuộc đối tượng phải tham gia: 01 lao động đã hưởng chế độ hưu trí, đã trả cùng lúc với kỳ trả lương khoản tiền tương đương khoản người sử dụng lao động phải tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động.

- Tiền lương tháng đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN là tiền lương, phụ cấp lương theo hợp đồng lao động.

- Tại thời điểm thanh tra, doanh nghiệp đã đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN đến hết tháng 02/2023.

III. Kết luận

1. Những quy định của pháp luật đã được doanh nghiệp thực hiện

1.1. Đã thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động; báo cáo định kỳ về công tác an toàn, vệ sinh lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

1.2. Đã giao kết hợp đồng lao động với 100% người lao động thuộc đối tượng phải giao kết hợp đồng lao động.

1.3. Đã trả đầy đủ trợ cấp thôi việc cho 11/11 lao động đủ điều kiện hưởng với tổng số tiền là 103.150.000 đồng.

1.4. Đã tổ chức đối thoại định kỳ tại nơi làm việc; ký kết và gửi TULĐTT đến cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

1.5. Đã xây dựng hệ thống thang lương, bảng lương và định mức lao động; mức lương tối thiểu doanh nghiệp đang áp dụng không thấp hơn mức lương tối thiểu do Chính phủ quy định; trả đủ tiền lương làm thêm giờ, tiền lương làm việc ban đêm cho người lao động; trả lương những ngày chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hằng năm cho người lao động khi thôi việc; hỗ trợ tiền ăn ca cho người lao động với mức 730.000 đồng/người/tháng.

1.6. Thời giờ làm việc hằng ngày, hằng tuần không vượt quá thời gian quy định; tổ chức làm thêm giờ không vượt quá 40 giờ/tháng, 200 giờ/năm.

1.7. Đã thực hiện các quy định về nghỉ lễ, tết, nghỉ việc riêng có lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương và ngày nghỉ hằng năm theo quy định.

1.8. Đã xây dựng và đăng ký nội quy lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động.

1.9. Đã thực hiện các quy định đối với lao động nữ: giảm thời giờ làm việc đối với lao động nữ có thai từ tháng thứ 7 trở lên làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; lao động nữ nuôi con dưới 12 tháng tuổi, lao động nữ trong

thời gian hành kinh; đã bố trí chỗ thay quần áo, buồng tắm, buồng vệ sinh và đảm bảo việc làm cho lao động nữ sau khi sinh.

1.10. Đã thực hiện khám sức khỏe định kỳ 02 lần/năm đối với lao động là người cao tuổi.

1.11. Đã thực hiện các quy định về an toàn, vệ sinh lao động: thống kê lao động làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động; xây dựng kế hoạch an toàn vệ sinh lao động; xây dựng nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với máy, thiết bị và tại nơi làm việc; trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động; huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động; quan trắc môi trường lao động; khám sức khỏe định kỳ; trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động; kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

1.12. Đã tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN cho 100% người lao động thuộc đối tượng tham gia; đã trả cùng lúc với kỳ trả lương khoản tiền tương đương khoản người sử dụng lao động phải tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho lao động đã hưởng chế độ hưu trí; tiền lương tháng đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN là tiền lương, phụ cấp lương theo hợp đồng lao động; đã đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN đến hết tháng 02/2023.

2. Những quy định của pháp luật chưa được doanh nghiệp thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ

2.1. Chưa mở sổ thống kê các nội dung cần phải báo cáo về công tác an toàn, vệ sinh lao động làm căn cứ theo dõi, phân tích, đưa ra các chính sách, giải pháp đối với công tác an toàn, vệ sinh lao động theo hướng dẫn tại khoản 1, Điều 10 Thông tư số 07/2016/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2.2. Chưa xây dựng kế hoạch hằng năm về đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động là chưa đúng quy định tại khoản 1 Điều 60 Bộ luật Lao động.

2.3. Hợp đồng lao động đã giao kết với người lao động có nội dung ghi chưa cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên: mục công việc phải làm ghi “theo sự phân công của công ty”, mục chế độ nghỉ ngơi ghi “theo quy định của Luật lao động hiện hành”, mục trang bị bảo hộ lao động ghi “theo quy định công ty” là chưa đúng quy định tại Điều 21 Bộ luật Lao động năm 2019 và Chương II Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2.4. Hồ sơ thỏa ước lao động tập thể của doanh nghiệp không có thông báo bằng văn bản về những nội dung dự kiến tiến hành thương lượng tập thể của đại diện tập thể người lao động hoặc của người sử dụng lao động và không có biên bản cuộc họp thương lượng là chưa đúng theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Lao động.

2.5. Quy chế dân chủ chưa quy định cụ thể các nội dung chủ yếu để tổ chức đối thoại tại nơi làm việc theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ.

2.6. Nội quy lao động của doanh nghiệp chưa quy định nội dung phòng, chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc; việc bảo vệ tài liệu, bí mật công nghệ, bí mật kinh doanh, sở hữu trí tuệ là chưa đúng quy định tại khoản 2 Điều 118 Bộ luật Lao động.

2.7. Chưa thực hiện giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động là chưa đúng theo quy định tại khoản 4 Điều 136 Bộ luật Lao động.

2.8. Nội dung kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động thiếu biện pháp về kỹ thuật vệ sinh lao động; phòng, chống yếu tố có hại và cải thiện điều kiện lao động là chưa đúng quy định tại khoản 3 Điều 76 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

2.9. Chưa thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên theo quy định tại khoản 1 Điều 74 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

2.10. Chưa lập hồ sơ quản lý, theo dõi sức khỏe người lao động là chưa đúng theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 19/2016/TT-BYT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

IV. Các biện pháp xử lý theo thẩm quyền đã áp dụng: không.

V. Kiến nghị các biện pháp xử lý

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội yêu cầu doanh nghiệp khắc phục các vi phạm nêu tại phần 2, mục III Kết luận thanh tra này như sau:

- Khắc phục sai phạm tại điểm 2.1, 2.3 và 2.10 khi có phát sinh.
- Khắc phục các vi phạm còn lại trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ban hành Kết luận thanh tra và báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện các kiến nghị (kèm các tài liệu chứng minh) về Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, địa chỉ: số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Nơi nhận:

- Doanh nghiệp (đề t/h);
- Công TTĐT Bộ;
- Trang TTĐT TTr Bộ LĐTBXH;
- Lưu: TTr, hồ sơ TTr.

